

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HS-ST

Ngày 17 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an quận T: Ông Phạm Xuân C - Kiểm sát viên.

Đại diện Công an quận T dẫn giải bị cáo đến tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an quận T: Ông Tăng Bảo Q – Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an quận T. Ông Đinh Xuân H và ông Huỳnh Công D – Cán bộ Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an quận T.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: I đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh kết nối với điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an quận T, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tổ chức xét xử sơ thẩm theo hình thức phiên tòa trực tuyến và công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1998, nơi sinh: Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Văn L, sinh năm: 1972 và bà Hồ Thị N, sinh năm: 1977; hoàn cảnh gia đình là con duy nhất trong gia đình, con Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2024 cho đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị hại*: Chị Huỳnh Thu T1, sinh năm: 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: CT2, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Phạm Trần Đăng K, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 1 đường N, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 05/3/2024, chị Huỳnh Thu T1 điều khiển xe máy hiệu Honda Vision, màu đỏ biển số 69E1 – 328.07 từ Bình Dương lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Hoàng T để trao đổi tìm hiểu công việc kinh doanh, sau đó cả hai thuê phòng 207 khách sạn T2 tại địa chỉ B N, Phường A, quận T để ở cùng nhau. Do đầu tư tiền ảo thua lỗ dẫn đến nợ nần nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị T1 đem đi cầm lấy tiền để đầu tư tiếp. Để thực hiện hành vi, T mượn điện thoại di động của chị T1 truy cập mạng để tìm nơi cầm xe máy thì biết được địa điểm cầm xe là tiệm cầm đồ Mạnh H2 tại địa chỉ A L, phường T, quận T. Sau đó, T giả vờ hỏi mượn xe máy của chị T1 đi Quận A để mượn lại chiếc điện thoại di động Iphone 13 Promax của Trước đang cầm tại đây để rút số tiền 92.000.000 đồng trong tài khoản giao dịch tiền ảo, tin lời Trước nên chị T1 đồng ý cho T mượn xe cùng giấy đăng ký xe. Mượn được xe, T điều khiển xe chạy đến tiệm cầm đồ Mạnh H2 cầm xe cho ông Trần Mạnh H3 với giá 11.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T mua một chiếc điện thoại di động hiệu S A20 hết 1.600.000 đồng, nạp 9.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Trước để đầu tư tiền ảo và bị thua hết, còn lại 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 14 giờ ngày 08/3/2024, Trước lên mạng tìm nơi bán xe thì tìm được cửa hàng X tại địa chỉ D K, phường L, thành phố T. Trước gọi điện thoại và hẹn anh Phạm Trần Đăng K là nhân viên của cửa hàng đến ngã 3 L - A để xem xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T cùng K đến tiệm C2 để xem xe và T cho biết xe đang cầm tại đây với số tiền 11.220.000 đồng. K đã thanh toán cho ông H3 số tiền 11.220.000 đồng để chuộc xe cùng giấy tờ và lấy xe về. Khi đến trước số A L, Khoa kiểm tra giấy đăng ký xe thấy chủ xe không phải là Trước nên hỏi nguồn gốc xe. Trước cho biết đây là xe mua lại của chị họ và cam kết xe không tranh chấp, không vi phạm

pháp luật nên K đồng ý mua xe với giá 13.600.000 đồng và thanh toán số tiền còn lại cho T là 2.380.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng. K có làm hợp đồng mua bán xe với Trước theo mẫu của cửa hàng. Sau khi bán xe cho K, T nhờ K chở về đến đường H thì Trước xuống xe đi bộ đến quán N1 trên đường A để nạp số tiền 2.300.000 đồng vào tài khoản đầu tư tiền ảo và thua hết tiền. Sáng ngày 09/3/2024, T gặp chị T1 và thừa nhận đã cầm chiếc xe máy biển số 69E1 – 328.07 nhưng không có khả năng chuộc lại xe. Đến ngày 10/3/2024, chị T1 đến Công an P, quận T trình báo sự việc, sau đó T bị bắt. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Trước đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số: 69E1-328.07, số máy: JF66E0326196, số khung: 5811GY326172;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 353394480241579, số IMEI 2: 3533944802489;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A20, màu đỏ, số IMEI 1: 357086106631730, số IMEI 2: 357087106631738.

Theo Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số: 69E1-328.07, số máy: JF66E0326196, số khung: 5811GY326172 đã qua sử dụng có giá trị là 14.000.000đ (Mười bốn triệu) đồng.

Bản Cáo trạng số 102/CTr-VKS-TB ngày 15 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Đây là vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do bị cáo Nguyễn Hoàng T cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe máy hiệu Honda Vision, biển số: 69E1-328.07 trị giá 14.000.000 đồng của chị Huỳnh Thu T1 vào ngày 06/3/2024 tại địa chỉ số B N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội nên cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Hoàng T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38 và điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Huỳnh Thu T1 đã nhận lại chiếc xe máy hiệu Honda Vision, không có yêu cầu bồi thường gì về chiếc xe máy trên, còn đối với số tiền 1.900.000 đồng chị T1 cho T mượn, chị T1 không yêu cầu Trước trả lại; anh Phạm Trần Đăng K có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 13.600.000 đồng anh mua lại chiếc xe máy biển số 69E1 – 328.07, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho anh K số tiền trên.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian tạm giam, bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về gia đình nuôi dạy con cái, được lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và đương sự: Chị Huỳnh Thu T1 là bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; còn anh Phạm Trần Đăng K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Quá trình điều tra đã có lời khai của chị T1 và anh K, việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thu T1 và anh Phạm Trần Đăng K.

[3] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Hoàng T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án như lời khai bị hại chị Huỳnh Thu T1, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Trần Đăng K, của anh Trần Mạnh H3 và vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06/3/2024, Nguyễn Hoàng T đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho chị Huỳnh Thu T1 tin tưởng giao chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 69E1-328.07 thuộc sở hữu của mình cho T mượn, mục đích nhằm chiếm đoạt chiếc xe trên của chị T1. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá chiếc xe gắn máy là 14.000.000đ (Mười bốn triệu) đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì động cơ tư lợi muốn có được tài sản mà không phải bỏ công sức lao động chân chính, đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cho thấy bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng để bảo đảm đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A20, màu đỏ, số IMEI 1: 357086106631730, số IMEI 2: 357087106631738 của Nguyễn Hoàng T. Đây là tài sản bị cáo có được từ việc cầm cố và bán chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision của chị Huỳnh Thu T1, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 353394480241579, số IMEI 2: 3533944802489 thu giữ của Nguyễn Hoàng T, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ chiếc điện thoại di động hiệu Nokia để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 69E1-328.07, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã thu hồi trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Huỳnh Thu T1 đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[9] Về biện pháp tư pháp:

[9.1] Bị hại chị Huỳnh Thu T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về tài sản là chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 69E1-328.07 bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã thu hồi trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Huỳnh Thu T1 và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9.2] Quá trình điều tra, anh Phạm Trần Đăng K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu bị cáo T trả lại tài sản là số tiền 13.600.000 đồng anh K mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision (Bút lục 144). Xét thấy, khi mua anh K không biết chiếc xe này bị cáo có được là do chiếm đoạt của chị T1 nên xác định anh K không có lỗi và tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên cho anh K. Như vậy, xét thấy yêu cầu của anh K là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, buộc bị cáo trả lại cho anh K số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và mức án đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[11] Hồ sơ vụ án thể hiện, chị Huỳnh Thu T1 còn cho Nguyễn Hoàng T mượn số tiền 1.900.000.000 đồng vào ngày 06/3/2024 để đầu tư tiền ảo, đây là quan hệ vay mượn tài sản giữa cá nhân với nhau. Do đó, nếu có tranh chấp về số tiền này thì chị T1 có thể khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[12] Theo kết quả điều tra xác định, Trần Mạnh H3 là người nhận cầm cố và Phạm Trần Đăng K là người mua chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision từ Nguyễn Hoàng T, nhưng do cả hai không biết chiếc xe này có nguồn gốc từ việc Trộm cắp chiếm đoạt của người khác mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không xem xét xử lý hình sự Trần Mạnh H3 và Phạm Trần Đăng K về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[13] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng; ngoài ra bị cáo còn phải chịu 680.000đ (Sáu trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 48 và điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 30; điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; khoản 1, khoản 3 Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng T với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A20, màu đỏ, số IMEI 1: 357086106631730, số IMEI 2: 357087106631738.

Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEI 1: 353394480241579, số IMEI 2: 3533944802489 cho bị cáo Nguyễn Hoàng T, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 95/BB/2024 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Công an quận T và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải trả cho anh Phạm Trần Đăng K số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 680.000đ (Sáu trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính